

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc ban hành Quy định đánh giá, xác định Chỉ số  
cải cách hành chính UBND các xã trên địa bàn huyện Đắk Glong**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ về việc ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính Nhà nước giai đoạn 2021-2030;*

*Căn cứ Quyết định số 1271/QĐ-UBND ngày 18/8/2021 về việc ban hành Kế hoạch cải cách hành chính tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2021-2025;*

*Căn cứ Quyết định số 1943/QĐ-UBND ngày 08/9/2021 của UBND huyện về việc ban hành Kế hoạch cải cách hành chính huyện Đắk Glong giai đoạn 2021-2025;*

*Xét đề nghị của Trưởng phòng Nội vụ,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định đánh giá, xác định Chỉ số Cải cách hành chính UBND các xã trên địa bàn huyện Đắk Glong.

**Điều 2.** Giao Phòng Nội vụ chủ trì theo dõi, đôn đốc, hướng dẫn triển khai thực hiện Quyết định này.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và bãi bỏ các quy định trước đây trái với Quyết định này.

Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện; Thủ trưởng các Phòng, Ban, đơn vị liên quan và Chủ tịch UBND các xã chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Sở Nội vụ (thay Báo cáo);
- TT. Huyện ủy;
- TT. HĐND huyện;
- CT, các PCT UBND huyện;
- Các phòng, ban, đơn vị;
- UBND các xã;
- Trang thông tin điện tử huyện (đăng tải);
- Lưu: VT, NV (Đ).



**CHỦ TỊCH**



**Trần Nam Thuận**

## QUY ĐỊNH

**Đánh giá, xác định Chỉ số cải cách hành chính**  
**Ủy ban nhân dân các xã trên địa bàn huyện Đắk Glong**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 3137/QĐ-UBND  
ngày 23 /11/2021 của Chủ tịch UBND huyện)

### I. MỤC TIÊU, YÊU CẦU, PHẠM VI VÀ ĐỐI TƯỢNG

#### 1. Mục tiêu

Theo dõi, đánh giá một cách thực chất, khách quan và công bằng kết quả thực hiện công tác CCHC hàng năm của UBND các xã trên địa bàn huyện trong quá trình triển khai thực hiện công tác CCHC.

#### 2. Yêu cầu

a) Chỉ số CCHC phải bám sát nội dung Kế hoạch CCHC huyện hàng năm và từng giai đoạn.

b) Chỉ số CCHC phải bảo đảm tính khả thi, phù hợp với đặc điểm, điều kiện thực tế của địa phương; việc đánh giá phải thực chất, khách quan kết quả triển khai công tác CCHC hàng năm của các xã.

c) Hình thành hệ thống theo dõi, đánh giá đồng bộ, thống nhất trong hệ thống của UBND xã.

#### 3. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

a) Phạm vi điều chỉnh: Công tác theo dõi, đánh giá kết quả thực hiện CCHC hàng năm của UBND các xã.

b) Đối tượng áp dụng: UBND các xã trên địa bàn huyện Đắk Glong.

### II. NỘI DUNG CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

**1. Kết cấu Bộ Chỉ số CCHC UBND các xã:** Bộ tiêu chí xác định Chỉ số CCHC của UBND các xã được cấu trúc thành 08 lĩnh vực, 35 tiêu chí và 35 tiêu chí thành phần, cụ thể:

- Công tác chỉ đạo, điều hành CCHC: 05 tiêu chí và 05 tiêu chí thành phần;
- Xây dựng và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật: 03 tiêu chí và 02 tiêu chí thành phần;
- Cải cách thủ tục hành chính: 07 tiêu chí và 13 tiêu chí thành phần;
- Cải cách tổ chức bộ máy hành chính: 06 tiêu chí và 04 tiêu chí thành phần;
- Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức: 07 tiêu chí và 06 tiêu chí thành phần;
- Cải cách tài chính công: 02 tiêu chí và 03 tiêu chí thành phần;

- Hiện đại hóa hành chính: 04 tiêu chí và 13 tiêu chí thành phần.
- Tác động của CCHC đến sự phát triển kinh tế - xã hội địa phương: 01 tiêu chí và 02 tiêu chí thành phần.

## **2. Thang điểm, phương pháp đánh giá, xác định Chỉ số CCHC**

### a) Thang điểm

Thang điểm được tính là 100 điểm, được xác định cụ thể đối với từng tiêu chí, tiêu chí thành phần (*Phụ lục đính kèm*).

### b) Phương pháp đánh giá

- UBND các xã tự đánh giá, xác định và cho điểm kết quả thực hiện các nhiệm vụ CCHC của đơn vị mình theo các tiêu chí, tiêu chí thành phần được quy định tại Quyết định này để xác định Chỉ số CCHC hàng năm.

- Điểm tự đánh giá của UBND các xã được Hội đồng thẩm định của huyện, thẩm định, đánh giá, xác định, điều chỉnh cho phù hợp (nếu cần thiết) và trình UBND huyện quyết định công bố Chỉ số CCHC.

### c) Cách tính, xác định Chỉ số CCHC

- Chỉ số CCHC được xác định bằng tỷ lệ phần trăm (%) giữa tổng điểm đạt được và tổng điểm tối đa (100 điểm).

- Các chỉ số thành phần theo lĩnh vực, tiêu chí, được xác định bằng tỷ lệ phần trăm (%) giữa điểm đạt được và điểm tối đa của từng lĩnh vực, tiêu chí.

## **3. Xếp loại**

Kết quả Chỉ số CCHC của UBND các được phân loại theo 05 mức độ, cụ thể:

- Cao: Chỉ số CCHC đạt từ 95% trở lên.
- Tương đối cao: Chỉ số CCHC đạt từ 80% đến dưới 95%.
- Trung bình: Chỉ số CCHC đạt từ 70% đến dưới 80%.
- Tương đối thấp: Chỉ số CCHC đạt từ 60% đến dưới 70%.
- Thấp: Chỉ số CCHC đạt dưới 60%.

## **III. HỘI ĐỒNG ĐÁNH GIÁ, QUY TRÌNH ĐÁNH GIÁ**

### **1. Thành lập Tổ tự đánh giá, chấm điểm và xếp loại của đơn vị**

Tổ tự đánh giá xác định Chỉ số CCHC của UBND các xã do Chủ tịch UBND các xã quyết định thành lập, có từ 03 đến 05 thành viên, cụ thể: Chủ tịch UBND xã làm Tổ trưởng, các thành viên là công chức chuyên môn liên quan và công chức phụ trách công tác CCHC.

### **2. Hội đồng thẩm định của UBND huyện**

Hội đồng thẩm định Chỉ số CCHC của UBND các xã do Trưởng phòng Nội vụ làm Chủ tịch; các thành viên gồm đại diện Văn phòng HĐND- UBND huyện và các phòng có liên quan, chuyên viên Phòng Nội vụ phụ trách CCHC làm thư ký.

Hội đồng thẩm định của UBND huyện được thành lập Tổ giúp việc để giúp Hội đồng trong quá trình đánh giá, xác định Chỉ số CCHC của UBND các xã. Số lượng, thành phần Tổ giúp việc do Chủ tịch Hội đồng quyết định.

### **3. Thời gian, quy trình đánh giá, thẩm định và công bố Chỉ số CCHC**

a) UBND các xã tự đánh giá, chấm điểm, xác định Chỉ số CCHC của đơn vị mình, báo cáo giải trình và gửi kết quả, kèm tài liệu kiểm chứng về UBND huyện (qua Phòng Nội vụ) **trước ngày 15 tháng 12 hàng năm.**

b) Hội đồng thẩm định của hoàn thành việc đánh giá, thẩm định xác định Chỉ số CCHC, trình UBND huyện trước ngày 30 tháng 12 hàng năm.

c) Thời gian UBND huyện công bố kết quả đánh giá, xếp loại Chỉ số CCHC các xã trước ngày 10 tháng 01 năm sau liền kề năm đánh giá.

## **IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **1. Ủy ban nhân dân các xã**

Triển khai Quy định này đến toàn thể cán bộ, công chức trong đơn vị; chủ động thành lập tổ tự đánh giá xác định Chỉ số CCHC tại đơn vị; gửi báo cáo và tài liệu kiểm chứng về UBND huyện theo đúng thời gian quy định.

### **2. Phòng Nội vụ**

Tham mưu UBND huyện thành lập Hội đồng thẩm định đánh giá xác định Chỉ số cải cách hành chính cấp huyện.

Chủ trì tham mưu UBND huyện theo dõi, đôn đốc hướng dẫn UBND các xã triển khai việc xác định Chỉ số cải cách hành chính.

Phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan rà soát nội dung Chỉ số CCHC để kịp thời sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương (nếu cần thiết).

Tổ chức tập huấn việc theo dõi, đánh giá, xác định Chỉ số cải cách hành chính cho cán bộ, công chức trên địa bàn huyện.

Phối hợp với Văn phòng HĐND và UBND huyện; Tư pháp; Văn hóa và Thông tin; Tài chính - Kế hoạch; Kinh tế - Hạ tầng trong quá trình theo dõi, đánh giá, triển khai thực hiện Quy định này.

## **V. KINH PHÍ THỰC HIỆN**

Kinh phí triển khai xác định Chỉ số CCHC được đảm bảo bằng ngân sách nhà nước. Việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán cho triển khai xác định Chỉ số CCHC hàng năm thực hiện theo quy định hiện hành./.

**Phụ lục**  
**CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH UBND CÁC XÃ**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 3137 /QĐ-UBND ngày 23/11/2021 của Chủ tịch UBND huyện)

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Điểm thẩm định	Tài liệu kiểm chứng
<b>1</b>	<b>CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CCHC</b>	<b>15.5</b>			
<b>1.1</b>	<b>Kế hoạch CCHC năm</b>	<b>3.5</b>			
1.1.1	Ban hành Kế hoạch CCHC	1.0			Kế hoạch CCHC.
-	Ban hành kế hoạch kịp thời (Trước ngày 15/01 của năm ban hành kế hoạch): 1.0				
-	Ban hành không kịp thời: 0.0				
1.1.2	Chất lượng kế hoạch CCHC	1.0			Kế hoạch CCHC.
-	Đạt yêu cầu theo quy định của UBND huyện (Kế hoạch xác định đầy đủ các nhiệm vụ CCHC, cụ thể, chi tiết các nhiệm vụ, trách nhiệm thực hiện, thời gian hoàn thành và sản phẩm, kết quả đạt được): 1				
-	Không đạt yêu cầu: 0.0				
1.1.3	Thực hiện Kế hoạch	1.5			- Báo cáo CCHC năm; - Tài liệu liên quan khác (nếu có).
-	Hoàn thành từ 80%-100% kế hoạch thì điểm đánh giá được tính theo công thức (tỷ lệ % hoàn thành*1.5/100%).				
-	Hoàn thành dưới 80%: 0.0				
<b>1.2</b>	<b>Thực hiện chế độ báo cáo CCHC định kỳ</b>	<b>4.0</b>			
-	Thực hiện đầy đủ về số lượng, nội dung và thời gian theo quy định: 4.0				- Các báo cáo CCHC định kỳ; - Kết quả theo dõi của Phòng Nội vụ.
-	Thực hiện không đầy đủ một trong các yêu cầu trên: 0.				
<b>1.3</b>	<b>Công tác tuyên truyền CCHC</b>	<b>3.0</b>			
1.3.1	Ban hành Kế hoạch tuyên truyền CCHC	1.0			Kế hoạch tuyên truyền.
-	Ban hành đầy đủ, kịp thời nội dung theo quy định: 1				
-	Không ban hành Kế hoạch hoặc ban hành Kế hoạch không đúng quy định: 0.				
1.3.2	Thực hiện các hình thức tuyên truyền CCHC	2.0			

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Điểm thẩm định	Tài liệu kiểm chứng
-	<i>Tuyên truyền nội dung CCHC thông qua các phương tiện thông tin đại chúng: 1.0</i>				Báo cáo CCCH năm.
-	<i>Tuyên truyền CCHC thông qua các hình thức khác: 1.0</i>				
<b>1.4</b>	<b>Sáng kiến giải pháp mới trong công tác CCHC</b>	<b>2.0</b>			Có sáng kiến, giải pháp kèm theo.
	<i>Trong năm có từ 02 sáng kiến, giải pháp mới trở lên: 2.0</i>				
	<i>Trong năm có từ 01 sáng kiến, giải pháp mới trở lên: 1.0</i>				
	<i>Trong năm không có sáng kiến, giải pháp: 0.0</i>				
<b>1.5</b>	<b>Thực hiện các nhiệm vụ được cấp trên giao</b>	<b>3.0</b>			Kết quả theo dõi của Văn phòng HĐND-UBND huyện, Phòng Nội vụ.
	<i>Hoàn thành đúng tiến độ 100% số nhiệm vụ được giao trong năm, không bị phê bình nhắc nhở: 3.0</i>				
	<i>Hoàn thành 100% số nhiệm vụ được giao, nhưng bị phê bình nhắc nhở nhưng không quá 01 lần/năm: 1.0</i>				
	<i>Hoàn thành dưới 100% số nhiệm vụ được giao: 0.0</i>				
<b>2</b>	<b>XÂY DỰNG VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT</b>	<b>8.0</b>			
<b>2.1</b>	<b>Theo dõi thi hành pháp luật (TDTHPL)</b>	<b>3.0</b>			- Báo cáo kết quả công tác tư pháp năm hoặc văn bản khác. - Kết quả theo dõi của Phòng Tư pháp.
2.1.1	Thực hiện các hoạt động về theo dõi thi hành pháp luật	2.0			
-	<i>Thu thập thông tin về tình hình thi hành pháp luật: 1.0</i>				
-	<i>Kiểm tra tình hình thi hành pháp luật: 1.0</i>				
2.1.2	Xử lý kết quả theo dõi thi hành pháp luật	1.0			
-	<i>Ban hành đầy đủ văn bản xử lý, kiến nghị xử lý kết quả TDTHPL theo thẩm quyền: 1.0</i>				Kế hoạch theo dõi THPL; Kết quả theo dõi của Phòng Tư pháp.
-	<i>Không ban hành đầy đủ văn bản xử lý, kiến nghị xử lý kết quả TDTHPL theo thẩm quyền: 0.0</i>				
<b>2.2</b>	<b>Xử lý văn bản QPPL sau rà soát</b>	<b>2.5</b>			

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Điểm thẩm định	Tài liệu kiểm chứng
	<i>Từ 70%-100% số văn bản đã được xử lý, kiến nghị xử lý thì điểm đánh giá được tính theo công thức (Tỷ lệ văn bản đã được xử lý hoặc kiến nghị xử lý*2.5/100%).</i>				Kế hoạch rà soát văn bản QPPL; Báo cáo kết quả thực hiện.
-	<i>Dưới 70% văn bản đã được kiến nghị xử lý: 0</i>				
<b>2.3</b>	<b>Xử lý văn bản phát hiện sai phạm qua kiểm tra</b>	<b>2.5</b>			
	<i>Từ 70%-100% số văn bản đã được xử lý, kiến nghị xử lý thì điểm đánh giá được tính theo công thức (Tỷ lệ văn bản đã được xử lý hoặc kiến nghị xử lý*2.5/100%).</i>				Báo cáo kết quả thực hiện.
	<i>Dưới 70% văn bản đã được kiến nghị xử lý: 0.0</i>				
<b>3</b>	<b>CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH</b>	<b>19.0</b>			
<b>3.1</b>	<b>Kiểm soát quy định của thủ tục hành chính (TTHC)</b>	<b>2.0</b>			
3.1.1	Kế hoạch kiểm soát TTHC	1.0			- Kế hoạch kiểm soát TTHC; - Kết quả theo dõi của Văn phòng HĐND-UBND huyện.
-	<i>Ban hành đúng quy định (trước ngày 25/01): 1.0</i>				
-	<i>Không đúng quy định: 0.0</i>				
3.1.2	Báo cáo công tác kiểm soát TTHC định kỳ	1.0			- Báo cáo kiểm soát TTHC; - Kết quả theo dõi của Văn phòng HĐND-UBND huyện.
-	<i>Đúng quy định: 1.0</i>				
-	<i>Không đúng quy định: 0</i>				
<b>3.2</b>	<b>Rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính</b>	<b>2.0</b>			
3.2.1	Việc triển khai thực hiện	1.0			- Báo cáo kiểm soát TTHC; - Kết quả theo dõi của Văn phòng HĐND-UBND huyện.
-	<i>Ban hành đúng quy định (trước ngày 25/01): 1.0</i>				
-	<i>Không đúng quy định: 0.0</i>				
3.2.2	Báo cáo kết quả thực hiện	1.0			- Báo cáo kiểm soát TTHC, Báo cáo CCHC năm; - Các văn bản xử lý các vấn đề phát hiện qua rà soát.
-	<i>Có báo cáo kết quả thực hiện: 1.0</i>				
-	<i>Không có báo cáo: 0.0</i>				
<b>3.3</b>	<b>Công khai TTHC</b>	<b>2.0</b>			
3.3.1	TTHC được niêm yết, công khai kịp thời, đầy đủ, đúng quy định tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp xã.	1.0			- Báo cáo kiểm soát TTHC; báo cáo CCHC năm;

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Điểm thẩm định	Tài liệu kiểm chứng
-	100% TTHC được niêm yết, công khai kịp thời, đầy đủ, đúng quy định: 1.0				hình ảnh minh họa, đường link...; - Kết quả theo dõi, kiểm tra của huyện.
-	Dưới 100%: 0				
3.3.2	Công khai mức phí, lệ phí (nếu có).	1.0			
-	Đầy đủ, kịp thời, đúng quy định: 1.0				
-	Không đầy đủ, kịp thời: 0.0				
<b>3.4</b>	<b>Thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông</b>	<b>8.5</b>			
3.4.1	Thực hiện cơ chế một cửa	2.0			
-	100% TTHC cấp xã thực hiện đúng quy trình: 2.0				- Báo cáo kiểm soát TTHC, báo cáo CCHC năm; - Kết quả theo dõi của Văn phòng HĐND-UBND huyện, Đoàn kiểm tra.
-	Dưới 100% TTHC thực hiện đúng quy trình: 0.0				
3.4.2	Thực hiện cơ chế một cửa liên thông	2.0			
-	100% TTHC cấp xã thực hiện đúng quy trình: 2.0				- Báo cáo kiểm soát TTHC, báo cáo CCHC năm; - Kết quả theo dõi của Văn phòng HĐND-UBND huyện, Đoàn kiểm tra.
-	Dưới 100% TTHC thực hiện đúng quy trình: 0.0				
3.4.3	Ứng dụng quy trình điện tử trong xử lý, giải quyết TTHC: 0.5	0.5			Ứng dụng thực tế trên Phần mềm điện tử.
3.4.4	Kết quả giải quyết TTHC	3			
	Từ 95%-100% số TTHC cấp xã được giải quyết đúng hạn thì điểm đánh giá được tính theo công thức (tỷ lệ % số TTHC được giải quyết đúng hạn*3/100%).				- Báo cáo kiểm soát TTHC; Báo cáo CCHC năm; - Kết quả theo dõi của Văn phòng HĐND-UBND huyện.
	Dưới 95% số TTHC được giải quyết đúng hạn	0.0			
3.4.5	Cập nhật kết quả giải quyết TTHC trên phần mềm Một cửa điện tử	1.0			- Báo cáo kiểm soát TTHC; Báo cáo CCHC; báo cáo kết quả ứng dụng CNTT năm; - Kết quả kiểm tra trực tiếp trên Hệ thống phần mềm Một cửa điện tử.
-	Cập nhật đầy đủ, kịp thời, chính xác kết quả giải quyết TTHC trên phần mềm Một cửa điện tử: 1.0				
-	Không cập nhật đầy đủ, kịp thời, chính xác kết quả giải quyết TTHC trên phần mềm Một cửa điện tử: 0.0				



STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Điểm thẩm định	Tài liệu kiểm chứng
<b>3.5</b>	<b>Công tác tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị (PAKN) của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết</b>	<b>1.0</b>			
3.5.1	Công khai địa chỉ tiếp nhận PAKN	0.5			
-	<i>Thực hiện theo quy định: 0,5</i>				
-	<i>Không thực hiện: 0</i>				
3.5.2	Thực hiện tiếp nhận, xử lý PAKN	0.5			- Báo cáo kiểm soát TTHC; Báo cáo CCHC; - Tài liệu khác nếu có (hình ảnh minh họa...); các văn bản xử lý hoặc kiến nghị xử lý các phản ánh, kiến nghị.
-	<i>Có 100% phản ánh, kiến nghị được xử lý đúng thời gian quy định: 0,5</i>				
-	<i>Dưới 100% phản ánh, kiến nghị được xử lý đúng thời gian quy định: 0.0</i>				
-	<i>Không có phản ánh, kiến nghị: 1.0</i>				
<b>3.6</b>	<b>Thực hiện việc xin lỗi bằng văn bản khi giải quyết TTHC sai sót, trễ hạn</b>	<b>2.0</b>			
	<i>Từ 80%-100% số TTHC giải quyết sai sót, trễ hạn được xin lỗi thì điểm đánh giá được tính theo công thức (tỷ lệ % số TTHC trễ hạn được xin lỗi*2/100%)</i>				- Văn bản xin lỗi tổ chức, cá nhân. - Báo cáo, kết quả theo dõi của Văn Phòng HDND-UBND huyện.
	<i>Dưới 80% TTHC giải quyết sai sót, trễ hạn được xin lỗi: 0.0</i>				
	<i>Trong năm không có TTHC giải quyết sai sót, trễ hạn: 2.0</i>				
<b>3.7</b>	<b>Đánh giá chất lượng giải quyết TTHC</b>	<b>1.5</b>			
	Kết quả đánh giá chất lượng giải quyết TTHC	1.5			- Báo cáo công tác kiểm soát TTHC; - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Văn phòng HDND-UBND huyện. - TLKC khác (nếu có).
	<i>Mức độ hài lòng của cá nhân, tổ chức đạt từ 90% - 100%: 1.5</i>				
	<i>Mức độ hài lòng của cá nhân, tổ chức đạt từ 80% đến dưới 90%: 1.0</i>				
	<i>Mức độ hài lòng của cá nhân, tổ chức đạt dưới 80%: 0.0</i>				
<b>4</b>	<b>CẢI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY HÀNH CHÍNH</b>	<b>15.5</b>			
<b>4.1</b>	<b>Thực hiện các quy định của cấp có thẩm quyền về cơ cấu tổ chức ở cấp xã</b>	<b>3.0</b>			- Báo cáo CCHC định kỳ; các văn bản thực hiện sắp xếp TCBM; - Kết quả theo dõi của Phòng Nội vụ; các Đoàn
	<i>Đúng quy định: 3</i>				

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Điểm thẩm định	Tài liệu kiểm chứng
	<i>Không đúng quy định: 0</i>				kiểm tra.
4.2	<b>Thực hiện quy định về sử dụng biên chế cán bộ, công chức được cấp có thẩm quyền giao</b>	2.5			
	<i>Bố trí biên chế không vượt quá số lượng được quy định: 2.5</i>				Báo cáo CCHC; kiểm tra, theo dõi của Phòng Nội vụ.
	<i>Bố trí vượt quá số lượng quy định: 0</i>				
4.3	<b>Thực hiện phân cấp quản lý</b>	3.0			
4.3.1	Thực hiện các quy định về phân cấp quản lý do cấp có thẩm quyền ban hành	1.5			
	<i>Thực hiện đầy đủ các quy định: 1.5</i>				
	<i>Không thực hiện đầy đủ các quy định: 0</i>				
4.3.2	Xử lý các vấn đề về phân cấp phát hiện qua kiểm tra	1.5			
	<i>100% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 1.5</i>				
	<i>Dưới 100% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0</i>				
4.4	<b>Đánh giá về việc thực hiện Quy chế làm việc của UBND các xã</b>	2.0			
-	<i>Có quy chế làm việc: 2</i>				
-	<i>Không có quy chế làm việc: 0</i>				
4.5	<b>Tổ chức đối thoại với nhân dân (theo quy định tại Điều 125, Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015)</b>	3.0			
4.5.1	UBND xã ban hành Kế hoạch thực hiện	1.0			
-	<i>Có ban hành Kế hoạch: 1</i>				
-	<i>Không ban hành Kế hoạch: 0</i>				
4.5.2	Mức độ thực hiện Kế hoạch	2.0			
-	<i>Đạt 100% kế hoạch đề ra: 1.5</i>				
-	<i>Đạt 90% - dưới 100% kế hoạch: 0,5</i>				
-	<i>Đạt dưới 90% kế hoạch: 0.0</i>				

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Điểm thẩm định	Tài liệu kiểm chứng
4.6	<b>Tổ chức Hội nghị cán bộ, công chức theo đúng quy định tại Nghị định số 04/2015/NĐ-CP ngày 09/01/2015 của Chính phủ</b>	2.0			Biên bản, kết luận Hội nghị và các văn bản liên quan.
-	<i>Tổ chức trước 31/12 hàng năm: 1.0</i>				
-	<i>Thực hiện đầy đủ nội dung theo quy định: 1.0</i>				
5	<b>XÂY DỰNG VÀ NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐỘI NGŨ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC</b>	14.5			
5.1	<b>Bố trí công chức cấp xã đã được tuyển dụng</b>	2.0			Báo cáo CCHC; qua kiểm tra theo dõi của Phòng Nội vụ.
-	<i>Đúng quy định: 2.0</i>				
-	<i>Không đúng quy định: 0.0</i>				
5.2	<b>Thực hiện quy định về chuyển xếp ngạch, bậc lương đối với cán bộ, công chức</b>	1.0			Các tài liệu liên quan đến công tác tuyển dụng.
-	<i>Đúng quy định: 1.0</i>				
-	<i>Không đúng quy định: 0.0</i>				
5.3	<b>Đánh giá, phân loại cán bộ, công chức</b>	2.0			<ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo CCHC định kỳ;</li> <li>- Kết quả đánh giá phân loại cán bộ, công chức</li> <li>- Kết quả theo dõi của Phòng Nội vụ.</li> </ul>
5.3.1	Thực hiện trình tự, thủ tục đánh giá, phân loại cán bộ công chức theo đúng quy định	1.0			
	<i>Đúng quy định: 1.0</i>				
	<i>Không đúng quy định: 0.0</i>				
5.3.2	Chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính của cán bộ, công chức	1.0			
	<i>Trong năm không có cán bộ, công chức bị kỷ luật bằng hình thức khiển trách trở lên: 1.0</i>				<ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo CCHC năm;</li> <li>- Kết quả theo dõi của Phòng Nội vụ.</li> </ul>
	<i>Trong năm có cán bộ, công chức bị xử lý kỷ luật khiển trách trở lên: 0.0</i>				
5.4	<b>Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức</b>	2.5			
5.4.1	Xây dựng Kế hoạch đào tạo bồi dưỡng cán bộ, công chức cấp xã	1.0			
	<i>Kịp thời, đúng quy định: 1.0</i>				
-	<i>Không kịp thời, đúng quy định: 0.0</i>				

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Điểm thẩm định	Tài liệu kiểm chứng
5.4.2	Mức độ hoàn thành Kế hoạch <i>Hoàn thành từ 80% - 100%: 1.5</i> <i>Hoàn thành dưới 80%: 0.0</i>	1.5			Báo cáo công tác đào tạo bồi dưỡng; Kết quả theo dõi của Phòng Nội vụ.
<b>5.5</b>	<b>VỀ CHUẨN HÓA ĐỘI NGŨ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC CẤP XÃ</b>	<b>3.0</b>			
5.5.1	Tỷ lệ đạt chuẩn của đội ngũ cán bộ cấp xã <i>100% cán bộ cấp xã đạt chuẩn trình độ chuyên môn: 1.5</i> <i>90%-100% cán bộ cấp xã đạt chuẩn chuyên môn: 1.0</i> <i>Dưới 90% cán bộ cấp xã đạt chuẩn: 0.0</i>	1.5			Báo cáo CCHC; Kết quả theo dõi của Phòng Nội vụ.
5.5.2	Tỷ lệ đạt chuẩn của đội ngũ công chức cấp xã <i>100% công chức cấp xã đạt chuẩn trình độ chuyên môn: 1.5</i> <i>90%-100% công chức cấp xã đạt chuẩn chuyên môn: 1.0</i> <i>Dưới 90% công chức cấp xã đạt chuẩn: 0.0</i>	0.5			
<b>5.6</b>	Cập nhật đầy đủ thông tin cán bộ, công chức trên hệ thống phần mềm thông tin quản lý CBCC,VC của tỉnh (sau khi có văn bản chỉ đạo) <i>Cập nhật đầy đủ 100%: 2.0</i> <i>Cập nhật từ 90 - dưới 100%: 1.0</i> <i>Cập nhật dưới 90%: 0.0</i>	<b>2.0</b>			- Báo cáo CCHC; '- Kết quả theo dõi của Phòng Nội vụ.
<b>5.7</b>	<b>Thực hiện tinh giản biên chế theo kế hoạch của UBND huyện</b> <i>Tinh giản đủ số lượng: 2.0</i> <i>Không đủ số lượng: 0.0</i>	<b>2.0</b>			- Báo cáo CCHC định kỳ; - Kết quả theo dõi của Phòng Nội vụ.
<b>6</b>	<b>CẢI CÁCH TÀI CHÍNH CÔNG</b>	<b>7.5</b>			
<b>6.1</b>	<b>Tổ chức thực hiện công tác tài chính - ngân sách</b>	<b>5.5</b>			
6.1.1	Thực hiện giải ngân kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước hàng năm <i>Đạt tỷ lệ giải ngân từ 95% trở lên so với kế hoạch được giao: 2.0</i>	2.0			- Báo cáo CCHC; kết quả theo dõi, kiểm tra của Phòng Tài chính - Kế hoạch.

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Điểm thẩm định	Tài liệu kiểm chứng
	<i>Đạt tỷ lệ giải ngân từ 70-dưới 95%: 1.0</i>				
	<i>Giải ngân dưới 70% so với kế hoạch: 0.0</i>				
6.1.2	Tổ chức thực hiện các kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về tài chính, ngân sách	2.0			- Báo cáo CCHC; kết quả theo dõi, kiểm tra của Phòng Tài chính - Kế hoạch.
-	<i>Đạt 100% số tiền nộp NSNN theo kiến nghị: 1.5</i>				
-	<i>Từ 80% - dưới 100% số tiền nộp NSNN: 1.0</i>				
-	<i>Dưới 80% số tiền nộp NSNN theo kiến nghị: 0</i>				
6.1.3	Thực hiện cơ chế quản lý, sử dụng kinh phí quản lý hành chính cấp xã	1.5			- Báo cáo CCHC; kết quả theo dõi, kiểm tra của Phòng Tài chính - Kế hoạch.
	<i>Không có sai phạm: 1.5</i>				
	<i>Có sai phạm: 0.0</i>				
<b>6.2</b>	<b>Thực hiện cơ chế khoán kinh phí hành chính tại UBND xã</b>	<b>2.0</b>			- Báo cáo CCHC; kết quả theo dõi, kiểm tra của Phòng Tài chính - Kế hoạch.
	<i>Thực hiện đúng quy định: 2.0</i>				
	<i>Không thực hiện: 0.0</i>				
<b>7</b>	<b>HIỆN ĐẠI HÓA NỀN HÀNH CHÍNH</b>	<b>14.50</b>			
<b>7.1</b>	<b>Ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT)</b>	<b>5.5</b>			
7.1.1	Ban hành Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin năm	1.0			Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin.
-	<i>Kịp thời, đúng quy định: 0,5</i>				
-	<i>Không kịp thời, đúng quy định: 0</i>				
7.1.2	Mức độ thực hiện kế hoạch	1.0			Báo cáo kết quả thực hiện ứng dụng CNTT.
-	<i>Hoàn thành từ 80%-100% kế hoạch thì điểm đánh giá được tính theo công thức (tỷ lệ % hoàn thành*1.0/100%).</i>				
-	<i>Dưới 80% kế hoạch: 0.0</i>				
7.1.3	Báo cáo công tác ứng dụng công nghệ thông tin	0.5			
-	<i>Thực hiện theo quy định: 0,5</i>				
-	<i>Không thực hiện: 0.0</i>				

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Điểm thẩm định	Tài liệu kiểm chứng
7.1.4	Ứng dụng Phần mềm Văn phòng điện tử	1.0			- Báo cáo năm về kết quả ứng dụng CNTT; - Kết quả theo dõi của Văn phòng HĐND-UBND huyện.
-	100% văn bản được trao đổi dưới dạng điện tử				
-	Dưới 100%: 0.0				
7.1.5	Sử dụng hiệu quả Hộp thư điện tử công vụ trong trao đổi công việc	1.0			- Báo cáo năm về kết quả ứng dụng CNTT; - Kết quả theo dõi của Văn phòng HĐND-UBND huyện.
-	Từ 80% cán bộ, công chức cấp xã sử dụng: 1.0				
-	Từ 70% - dưới 80% cán bộ, công chức, viên chức cấp huyện, cấp xã sử dụng: 0.5				
-	Dưới 70%: 0.0				
7.1.6	Sử dụng chứng thư số, chữ ký số	1.0			- Báo cáo năm về kết quả ứng dụng CNTT; - Kết quả theo dõi của Văn phòng HĐND-UBND huyện.
	100% lãnh đạo, quản lý (Chủ tịch, Phó chủ tịch UBND xã) sử dụng: 1.0				
	Dưới 100% lãnh đạo, quản lý (Chủ tịch, Phó chủ tịch UBND xã) sử dụng: 0.0				
<b>7.2</b>	<b>Cung cấp dịch vụ công trực tuyến</b>	<b>2.0</b>			
7.2.1	Tỷ lệ TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3, 4 có phát sinh hồ sơ trong năm	1.0			- Báo cáo kết quả thực hiện; - Kết quả theo dõi của Văn phòng HĐND-UBND huyện.
	Từ 20% số TTHC trở lên cung cấp trực tuyến mức độ 3, 4 có phát sinh hồ sơ: 1.0				
	Dưới 20% số TTHC trở lên cung cấp trực tuyến mức độ 3, 4 có phát sinh hồ sơ: 0.0				
7.2.2	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được giải quyết trực tuyến mức độ 3, 4	1.0			- Báo cáo kết quả thực hiện; - Kết quả theo dõi của Văn phòng HĐND-UBND huyện.
-	Từ 5% số hồ sơ TTHC trở lên: 1.0				
-	Dưới 5% số hồ sơ TTHC: 0.0				
<b>7.3</b>	<b>Thực hiện tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết TTHC qua dịch vụ bưu chính công ích (BCCI)</b>	<b>3.0</b>			
7.3.1	Tỷ lệ TTHC đã triển khai có phát sinh hồ sơ tiếp nhận/trả kết quả giải quyết qua dịch vụ BCCI	1.0			- Báo cáo kết quả thực hiện; - Kết quả theo dõi của Văn phòng HĐND-UBND huyện.
	Từ 40% số TTHC trở lên có phát sinh hồ sơ: 1.0				

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Điểm thẩm định	Tài liệu kiểm chứng
	Từ 20% - dưới 40% số TTHC có phát sinh hồ sơ: 0.5				UBND huyện.
	Dưới 20% số TTHC có phát sinh hồ sơ: 0.0				
7.3.2	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được tiếp nhận qua dịch vụ BBCI	1.0			
	Từ 10% số hồ sơ TTHC trở lên: 1.0				
	Dưới 10% số hồ sơ TTHC: 0.0				
7.3.3	Tỷ lệ kết quả giải quyết TTHC được trả qua dịch vụ BCCI	1.0			Báo cáo kiểm soát TTHC; '- Kết quả theo dõi của Văn phòng HĐND-UBND huyện.
	Từ 10% số hồ sơ TTHC trở lên: 1.0				
	Dưới 10% số hồ sơ TTHC: 0.0				
<b>7.4</b>	<b>Áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001: 2015</b>	<b>4.0</b>			- Kết quả theo dõi của Sở Khoa học và Công nghệ; Phòng Kinh tế - Hạ tầng - Các tài liệu liên quan khác (nếu có).
7.4.1	Công bố ISO 9001:2015	2.0			
	Đã công bố: 2.0				
	Chưa công bố: 0				
	Đạt loại yếu: 0				
7.4.2	Áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001: 2015	2.0			- Kết quả đánh giá hàng năm của Sở KHCN
	Áp dụng đạt loại tốt: 2.0				
	Áp dụng đạt loại khá: 1.0				
	Áp dụng đạt loại trung bình: 0.5				
	Áp dụng đạt loại yếu: 0.				
<b>8</b>	<b>TÁC ĐỘNG CỦA CCHC ĐẾN SỰ PHÁT TRIỂN KTXH</b>	<b>5.5</b>			
8.1.1	Tỷ lệ doanh nghiệp/hộ kinh doanh thành lập mới trong năm	2.0			- Báo cáo năm CCHC; kết quả theo dõi của Phòng Tài chính -Kế hoạch
	Tăng từ 20% trở lên so với năm liền kề: 2.0				
	Tăng từ 5%- dưới 20% so với năm liền kề: 1.0				
	Tăng dưới 5% so với năm liền kề: 0.0				
8.1.2	Thực hiện thu ngân sách hàng năm của xã theo Kế hoạch được UBND huyện giao	2.5			





STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Điểm thẩm định	Tài liệu kiểm chứng
	<i>Vượt chỉ tiêu được giao: 2.5</i>				- Báo cáo năm CCHC; kết quả theo dõi của Phòng Tài chính - Kế hoạch
	<i>Hoàn thành chỉ tiêu được giao: 1.0</i>				
	<i>Không hoàn thành: 0.0</i>				
	<b>TỔNG ĐIỂM</b>	<b>100.00</b>			

*Quam*